

PHỤ LỤC CHI TIẾT DANH MỤC VTTB CÓ CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI

Stt	Mã vật tư	Mã CTNH	Tên vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1. Kho: N0Z - AGI_N0Z_Kho vật tư thu hồi Công ty Điện lực An Giang						
1	3.53.75.665.000.00.D10	17 03 04	Biến dòng điện (TI) 110kV	Cái	3.00	Lưu giữ tại trạm 110kV Châu Đốc
2	3.53.90.248.IND.00.D10	17 03 04	Biến dòng điện (CT) 123kV, 31,5 kA/1s, 200-400/1-1-1-1A (bao gồm: giá đỡ, kẹp cực, kẹp tiếp địa)	Bộ	3.00	Lưu giữ tại trạm 110kV An Châu
3	3.53.90.404.IND.00.D10	17 03 04	Biến dòng điện (CT) 123kV 31,5kA/1s, 400-800-1200/1-1-1-1-1A (bao gồm giá đỡ, kẹp cực, kẹp tiếp địa)	Bộ	6.00	Lưu giữ tại trạm 110kV An Châu
4	3.56.60.335.000.00.D10	17 03 04	Biến điện áp 1 pha 35kV	Cái	6.00	Lưu giữ tại trạm 110kV Châu Đốc
5	3.62.95.110.000.00.D10	19 02 05	Tủ điều khiển ngăn máy biến áp 110kV	Tủ	2.00	Lưu giữ tại trạm 110kV Châu Đốc
6	3.62.95.110.000.00.D10	19 02 05	Tủ điều khiển ngăn máy biến áp 110kV	Tủ	1.00	Lưu giữ tại trạm 110kV Tri Tôn
7	3.62.95.516.VIE.00.D10	19 02 05	Tủ sạc ACCU 110VDC	Bộ	1.00	
8	3.62.95.663.000.00.D10	19 02 05	Tủ tụ bù (24kV capacitor bank feeder)	Tủ	1.00	Lưu giữ tại trạm 110kV Châu Đốc
9	3.62.95.712.000.00.D10	19 02 05	Tủ điều khiển 2 ngăn đường dây 110kV	Tủ	1.00	Lưu giữ tại trạm 110kV Châu Đốc
10	3.62.95.935.000.00.D10	19 02 05	Tủ điều khiển từ xa MBA 110kV	Cái	1.00	
11	3.64.00.017.VIE.00.D10	17 03 04	Giàn tụ bù trung thế 6,0MVar (28 cái tụ bù)	Bộ	1.00	Lưu giữ tại trạm 110kV Châu Đốc
12	3.82.13.035.000.00.D10	19 02 05	Card 560CMU05	Bộ	2.00	Lưu giữ tại trạm 110kV Phú Tân
13	4.94.60.101.VIE.00.D10	19 02 05	Bộ máy vi tính	Cái	1.00	Lưu giữ tại trạm 110kV An Châu
14	5.90.02.947.000.00.D10	19 02 05	CPU máy vi tính	Cái	1.00	Lưu giữ tại trạm 110kV Phú Tân
15	5.90.02.947.000.00.D10	19 02 05	CPU máy vi tính	Cái	1.00	Lưu giữ tại trạm 110kV An Phú
16	8.88.02.045.VIE.00.D10	19 02 05	CPU Máy tính công nghiệp	Cái	1.00	Lưu giữ tại trạm 110kV An Châu
2. Kho Đội Quản lý điện An Phú						
1	3.60.46.006.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện tử 3P 3 giá PLC GT 5(6)A 230/400V CCX1	Cái	4.00	
2	3.60.55.048.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện tử 1 pha 3 giá 5(80)A 220V CCX1	Cái	2.00	
3. Kho Đội Quản lý điện Châu Đốc						
1	3.60.36.041.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện tử 3P 5(6)A 57.5/240V Class 0.5S, kèm RS232	Cái	14.00	
2	3.60.46.056.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện tử 3P 3 giá PLC TT 50(100)A 230/400V CCX1	Cái	2.00	
3	3.60.55.045.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện tử 1pha 2 dây - 1 giá TT,class1- 10(40)A 220V PLC	Cái	25.00	
4	3.60.55.051.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện tử 1P GT 5(10)A 220V, CCX1 (không Module)	Cái	1.00	
5	3.60.55.053.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện tử 1 pha PLC 1 giá TT 5(80)A 220V CCX1	Cái	3.00	
6	5.16.12.070.000.00.D10	19 06 01	Bình ắc quy 12V - 70Ah	Bình	1.00	
4. Kho Đội Quản lý điện Thoại Sơn						
1	3.60.36.041.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện tử 3P 5(6)A 57.5/240V Class 0.5S, kèm RS232	Cái	4.00	
2	3.60.36.047.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện tử 3P 5(6)A 57.5/240V Class 0.5S, kèm RS232 (ĐKĐ)	Cái	14.00	
3	3.60.36.071.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện tử 3P 3 giá 3x5(10)A GT 3x(57,7/100V - 240/415V) CCX0,5S (không kèm module)	Cái	1.00	
4	3.60.46.004.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện tử 3P4W 40-100A Class 1, kèm RS 232	Cái	2.00	
5	3.60.46.056.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện tử 3P 3 giá PLC TT 50(100)A 230/400V CCX1	Cái	1.00	

6	3.60.55.051.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1P GT 5(10)A 220V, CCX1 (không Module)	Cái	4.00	
7	3.60.55.053.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1 pha PLC 1 giá TT 5(80)A 220V CCX1	Cái	2.00	
8	4.94.40.091.VIE.00.D10	08 02 04	Mực in	Hộp	202.00	
9	5.16.10.011.000.00.D10	19 06 01	Bình ắc quy các loại	Kg	22.00	
10	8.70.85.250.JPN.00.D10	19 02 05	Đồng hồ Megom met 2500V	Cái	1.00	
5. Kho Đội Quản lý điện Chợ Mới						
1	3.60.36.041.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 5(6)A 57.5/240V Class 0.5S, kèm RS232	Cái	42.00	
2	3.60.36.071.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 3 giá 3x5(10)A GT 3x(57,7/100V - 240/415V) CCX1	Cái	1.00	
3	3.60.46.043.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P (40-100)A 230/400V	Cái	9.00	
4	3.60.55.053.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1 pha PLC 1 giá TT 5(80)A 220V CCX1	Cái	1.00	
5	3.60.55.085.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1 pha 3 giá GT 5(6)A 220V CCX1 (không module)	Cái	1.00	
6	3.64.34.010.USA.00.D10	17 03 04	Tụ bù trung thế 1 pha 1 sứ 13,2kV-200kVAR	Cái	3.00	
7	3.64.34.100.VIE.00.D10	17 03 04	Tụ bù trung thế 1 pha 1 sứ 13,2kV-100KVAR	Cái	2.00	
8	4.94.40.128.000.00.D10	08 02 04	Máy in các loại	Cái	2.00	
9	5.16.10.123.000.00.D10	19 02 05	Bộ nguồn	Bộ	100.00	
10	5.16.12.070.000.00.D10	19 06 01	Bình ắc quy 12V - 70Ah	Bình	2.00	
11	5.90.02.864.000.00.D10	19 02 05	Mainboard các loại	Cái	1.00	
12	5.90.02.968.VIE.00.D10	19 02 05	Điện thoại di động	Cái	2.00	
6. Kho Đội Quản lý điện Tân Châu						
1	3.60.36.032.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 5(6)A 57.5-240V	Cái	5.00	
2	3.60.46.015.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 5(6)A 230/400V	Cái	1.00	
3	3.60.46.027.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P4W 40-100A Class 1	Cái	2.00	
4	3.60.46.056.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 3 giá PLC TT 50(100)A 230/400V CCX1	Cái	3.00	
5	3.60.46.097.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P nhiều biểu giá TT 3x5(100)A, 230/400V CCX:1 (ME-42) có module	Cái	2.00	
6	3.60.55.045.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1pha 2 dây - 1 giá TT,class1- 10(40)A 220V PLC	Cái	7.00	
7	3.60.55.051.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1P GT 5(10)A 220V, CCX1 (không Module)	Cái	1.00	
8	3.60.55.053.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1 pha PLC 1 giá TT 5(80)A 220V CCX1	Cái	5.00	
9	3.60.55.308.VIE.00.D10	19 02 05	Công tơ điện từ 2 chiều 3P nhiều biểu giá GT 3x5(6)A, 3x(57,7/100-230/400V),CCX:0.5S không module	Cái	3.00	
10	3.60.56.013.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1P PLC 10(80)A	Cái	3.00	
11	4.94.80.012.VIE.00.D10	19 06 01	Pin 12V	Cái	18.00	
12	5.90.01.107.000.00.D10	19 02 05	Router 2G	Cái	1.00	
7. Kho Đội Quản lý điện Châu Phú						
1	3.60.36.071.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 3 giá 3x5(10)A GT 3x(57,7/100V - 240/415V) CCX0,5S (không kèm module)	Cái	4.00	
2	3.60.46.027.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P4W 40-100A Class 1	Cái	1.00	
3	3.60.55.045.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1pha 2 dây - 1 giá TT,class1- 10(40)A 220V PLC	Cái	2.00	

4	3.60.55.053.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1 pha PLC 1 giá TT 5(80)A 220V CCX1	Cái	3.00	
5	4.94.60.116.000.00.D10	19 02 05	Laptop các loại	Cái	2.00	
6	5.90.00.048.000.00.D10	19 02 05	Nguồn máy vi tính	Cái	2.00	
7	5.90.02.948.000.00.D10	19 02 05	Màn hình máy vi tính	Cái	2.00	
8. Kho Đội Quản lý điện Phú Tân						
1	3.60.36.041.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 5(6)A 57.5/240V Class 0.5S, kèm RS232	Cái	13.00	
2	3.60.36.073.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 3 giá 3x5(10)A GT 57.5/100V, 3x240/415V CCX 0,5s (tích hợp module PLC)	Cái	2.00	
3	3.60.46.004.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P4W 40-100A Class 1, kèm RS 232	Cái	2.00	
4	3.60.46.015.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 5(6)A 230/400V	Cái	1.00	
5	3.60.55.053.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1 pha PLC 1 giá TT 5(80)A 220V CCX1	Cái	2.00	
6	3.60.55.085.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1 pha 3 giá GT 5(6)A 220V CCX1 (không module)	Cái	1.00	
7	5.65.90.008.CHN.00.D10	19 02 05	Màn hình vi tính phổ thai	Cái	1.00	
9. Kho Đội Quản lý điện Long Xuyên						
1	3.60.36.041.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 5(6)A 57.5/240V Class 0.5S, kèm RS232	Cái	7.00	
2	3.60.46.004.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P4W 40-100A Class 1, kèm RS 232	Cái	2.00	
3	3.60.46.006.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 3 giá PLC GT 5(6)A 230/400V CCX1	Cái	3.00	
4	3.60.46.006.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 3 giá PLC GT 5(6)A 230/400V CCX1	Cái	1.00	
5	3.60.46.056.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 3 giá PLC TT 50(100)A 230/400V CCX1	Cái	6.00	
6	3.60.46.097.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P nhiều biểu giá TT 3x5(100)A, 230/400V CCX:1 (ME-42) có module	Cái	1.00	
7	3.60.55.042.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1P RF GT 5(10)A 220V, CCX1 (kèm module)	Cái	2.00	
8	3.60.55.045.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1pha 2 dây - 1 giá TT,class1- 10(40)A 220V PLC	Cái	72.00	
9	3.60.55.046.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1pha - 1 giá TT,class1- 20(80)A 220V PLC	Cái	10.00	
10	3.60.55.047.VIE.00.D10	19 02 05	công tơ điện từ 1pha 3 giá 10(100)A 220V	Cái	10.00	
11	3.60.55.053.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1 pha PLC 1 giá TT 5(80)A 220V CCX1	Cái	12.00	
12	3.60.56.013.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1P PLC 10(80)A	Cái	2.00	
10. Kho Đội Quản lý điện An Châu						
1	3.60.36.041.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 5(6)A 57.5/240V Class 0.5S, kèm RS232	Cái	5.00	
2	3.60.36.071.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 3 giá 3x5(10)A GT 3x(57,7/100V - 240/415V) CCX0,5S (không kèm module)	Cái	1.00	
3	3.60.46.004.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P4W 40-100A Class 1, kèm RS 232	Cái	6.00	
4	3.60.46.006.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 3 giá PLC GT 5(6)A 230/400V CCX1	Cái	1.00	
5	3.60.46.056.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 3 giá PLC TT 50(100)A 230/400V CCX1	Cái	1.00	
6	3.60.55.051.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1P GT 5(10)A 220V, CCX1 (không Module)	Cái	5.00	
7	3.60.55.053.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1 pha PLC 1 giá TT 5(80)A 220V CCX1	Cái	2.00	
8	3.60.56.010.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1P 10(40)A 220V	Cái	16.00	
9	3.60.56.013.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1P PLC 10(80)A	Cái	5.00	

11. Kho Đội Quản lý điện Tri Tôn						
1	3.60.36.047.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 5(6)A 57.5/240V Class 0.5S, kèm RS232 (ĐKĐ)	Cái	1.00	
2	3.60.36.071.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 3 giá 3x5(10)A GT 3x(57,7/100V - 240/415V) CCX0,5S (không kèm module)	Cái	2.00	
3	3.60.46.010.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 3 giá GT 5(6)A 230/400V CCX1 (ĐKĐ)	Cái	6.00	
4	3.60.55.051.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1P GT 5(10)A 220V, CCX1 (không Module)	Cái	1.00	
5	4.94.60.116.000.00.D10	19 02 05	Laptop các loại	Cái	1.00	
12. Kho Đội Quản lý điện Tịnh Biên						
1	3.60.36.041.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 5(6)A 57.5/240V Class 0.5S, kèm RS232	Cái	4.00	
2	3.60.36.071.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P 3 giá 3x5(10)A GT 3x(57,7/100V - 240/415V) CCX0,5S (không kèm module)	Cái	1.00	
3	3.60.46.004.ENG.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 3P4W 40-100A Class 1, kèm RS 232	Cái	1.00	
4	3.60.55.051.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1P GT 5(10)A 220V, CCX1 (không Module)	Cái	2.00	
5	3.60.55.053.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1 pha PLC 1 giá TT 5(80)A 220V CCX1	Cái	1.00	
6	3.60.55.085.VIE.00.D10	19 02 05	Điện kế điện từ 1 pha 3 giá GT 5(6)A 220V CCX1 (không module)	Cái	1.00	
7	3.80.88.379.VIE.00.D10	19 02 05	Bộ tập trung (DCU)	Cái	27.00	
Tổng cộng:						